

KẾT QUẢ PHỨC KHẢO BÀI THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2026
ĐỐI TƯỢNG: THẠC SĨ

STT	SBD	Giới tính	Ngày sinh	Điểm trước P.K	Điểm sau P.K	Ghi chú
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH						
1	26.04.01.0018	Nữ	12/06/2001	6,13	6,13	
DƯỢC CƠ SỞ						
2	26.04.31.0121	Nam	09/02/2002	7,2	7,2	
3	26.04.31.0104	Nữ	23/05/1999	6,6	6,6	
DƯỢC LÝ						
4	26.04.31.0121	Nam	09/02/2002	6	6	
5	26.04.31.0145	Nữ	21/01/1999	3,83	3,83	
6	26.04.31.0104	Nữ	23/05/1999	6,25	6,25	
7	26.04.31.0101	Nữ	06/10/2000	4,75	4,75	
GIẢI PHẪU						
8	26.04.08.0211	Nữ	19/04/1999	7,33	7,33	
9	26.04.08.0223	Nam	13/08/1996	8,33	8,33	
10	26.04.16.0583	Nam	21/06/2002	2,75	2,75	
11	26.04.01.0018	Nữ	12/06/2001	8,33	8,33	
NỘI TỔNG QUÁT						
12	26.04.35.0480	Nữ	19/10/1999	7,5	7,5	
13	26.04.10.0363	Nữ	28/08/1997	7,38	7,38	
14	26.04.10.0366	Nữ	05/05/2001	3,92	3,92	
15	26.04.10.0414	Nam	06/05/2002	4,92	4,92	
16	26.04.10.0406	Nữ	01/07/2000	7	7	
17	26.04.10.0354	Nam	04/05/2002	5,75	5,75	
18	26.04.10.0417	Nữ	14/01/2000	4,83	4,83	
19	26.04.10.0371	Nam	04/08/1996	7,38	7,38	
20	26.04.35.0483	Nữ	09/09/1999	7,88	7,88	
21	26.04.10.0284	Nam	28/12/1996	7,13	7,13	
22	26.04.10.0446	Nam	20/04/1992	7,25	7,25	
23	26.04.10.0337	Nữ	05/02/1998	6,88	6,88	
24	26.04.35.0481	Nữ	10/09/1995	6,38	6,38	
25	26.04.10.0415	Nam	07/02/1999	7,75	7,75	
NGOẠI TỔNG QUÁT						
26	26.04.12.0159	Nam	04/01/2001	5,9	5,9	
NHÂN KHOA						
27	26.04.08.0239	Nam	12/11/2001	6,63	6,63	
28	26.04.08.0211	Nữ	19/04/1999	8,63	8,63	
29	26.04.08.0223	Nam	13/08/1996	7	7	
NHI KHOA						
30	26.04.09.0244	Nam	11/01/1993	7	7	
31	26.04.09.0279	Nữ	23/03/1998	7,13	7,13	



STT	SBD	Giới tính	Ngày sinh	Điểm trước P.K	Điểm sau P.K	Ghi chú
32	26.04.09.0254	Nam	14/04/2002	7,75	7,75	
33	26.04.09.0246	Nam	12/09/1998	7,25	7,25	
SINH LÝ						
34	26.04.35.0480	Nữ	19/10/1999	9,1	9,1	
35	26.04.09.0244	Nam	11/01/1993	8,7	8,7	
36	26.04.10.0366	Nữ	05/05/2001	7,4	7,4	
37	26.04.10.0406	Nữ	01/07/2000	9,1	9,1	
38	26.04.09.0254	Nam	14/04/2002	8,2	8,2	
39	26.04.10.0371	Nam	04/08/1996	8,9	8,9	
40	26.04.09.0246	Nam	12/09/1998	9,3	9,3	
41	26.04.35.0483	Nữ	09/09/1999	9	9	
42	26.04.10.0284	Nam	28/12/1996	9,3	9,3	
43	26.04.10.0446	Nam	20/04/1992	8,9	8,9	
44	26.04.35.0481	Nữ	10/09/1995	9,6	9,6	
45	26.04.10.0415	Nam	07/02/1999	8,5	8,5	
46	26.04.10.0454	Nữ	26/11/2000	9,3	9,3	
47	26.04.04.0070	Nữ	18/3/1995	6,4	6,4	
TAI – MŨI – HỌNG						
48	26.04.16.0583	Nam	21/06/2002	2,5	2,5	

Danh sách có 48 thí sinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2026

CHỦ TỊCH

Ngô Quốc Đạt
HIỆU TRƯỞNG